

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG
Bản án số: 74/2024/DS-ST
Ngày: 13 - 8 - 2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-DS ngày 02/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-DS ngày 16/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P1 (OCB); Trụ sở: Số D và D đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ Chi nhánh T2: 3 Q, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Bá Lê H - Trưởng nhóm THN MT1 và ông Võ Ngọc T - Chuyên viên THN OCB Chi nhánh T2 (Giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-CT.HĐQT ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị O và Giấy ủy quyền số 71/GUQ-2/9.2024 ngày 22/02/2024 của Giám đốc PGD 2 tháng 9 OCB Chi nhánh T2 Phòng giao dịch 2 tháng 9). Ông T có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thành T1, sinh năm: 2000, cùng địa chỉ: K Hải Phòng, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1963; địa chỉ: 1 đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền có chứng nhận của Văn phòng công chứng Nguyễn Đức B số công chứng 0741 ngày 06/5/2024). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Thành T1 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP P1 - Chi nhánh T2 - Phòng giao dịch 2 Tháng 9 như sau:

- Hợp đồng tín dụng số ST0048/2023/PNU/HĐTD ngày 06/02/2023, ST0048/2023/PNU/HĐTD-SĐBS-01 ngày 13/02/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng thẻ tín dụng số 0066 ngày 14/02/2023: Số tiền vay là 1.150.000.000đ (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích mua bất động sản, thời hạn vay 180 tháng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 07/02/2038, lãi suất 16%/năm (có điều chỉnh); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: **Tổ A phường H, quận L, TP Đà Nẵng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 267731 số vào sổ cấp GCN số CTs 249758 do **Sở T3** cấp ngày 21/11/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **quận L** cập nhật thay đổi ngày 09/02/2023 cho ông **Trần Thành T1** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST0048.01/2023/PNU/HĐTC ngày 13/02/2023 được công chứng tại **Văn phòng C** và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **quận L**.

Khi thực hiện hợp đồng vay vốn, ông **T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và gốc được quy định trong hợp đồng tín dụng về trả nợ vay. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ nhưng đến nay bên vay vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, bên vay đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nhưng mọi thiện chí của Ngân hàng chúng tôi đều không được bên vay đáp trả. **Ngân hàng TMCP P1** chưa bán khoản nợ trên cho tổ chức, cá nhân nào.

Vì vậy, **Ngân hàng TMCP P1** kính đề nghị Tòa án buộc ông **Trần Thành T1** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho OCB tổng số tiền tính đến ngày 13/8/2024 là 1.195.455.592đ (Một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số ST0048/2023/PNU/HĐTD ngày 06/02/2023, Khế ước nhận nợ số ST0048/2023/PNU/KUNN ngày 07/02/2023 tính đến ngày 13/8/2024: Nợ gốc là 1.038.259.919đ, nợ lãi trong hạn là 84.591.877đ, lãi phạt: 2.534.977đ, lãi phạt quá hạn: 2.718.487đ. Tổng cộng: 1.128.105.260đ.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 0066 ngày 14/02/2023 tính đến ngày 10/8/2024: Dư nợ gốc là 49.198.496đ, nợ lãi là 16.183.611đ, phí: 1.968.225đ. Tổng cộng: 67.350.332đ.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 14/8/2024 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng đã ký từ ngày 11/8/2024 cho đến khi ông **T1** hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho OCB.

Nếu ông **Trần Thành T1** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì OCB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: **Tổ A phường H, quận L, TP Đà Nẵng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 267731 số vào sổ cấp GCN số CTs 249758 do **Sở T3** cấp ngày

21/11/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận L cập nhật thay đổi ngày 09/02/2023 cho ông Trần Thành T1 để thu hồi nợ cho OCB.

*** Tại Bản tự khai ngày 27/5/2024 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Lê Thị P trình bày:**

Ông Trần Thành T1 xác nhận có ký kết các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP P1 và hiện nay ông T1 còn nợ ngân hàng như lời trình bày của đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng TMCP P1 là đúng nhưng hiện nay do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên ông Trần Thành T1 đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông một thời gian ông sẽ trả dứt điểm số nợ nêu trên.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ: Căn cứ Điều 299, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1 (O) đối với ông Trần Thành T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Buộc ông Trần Thành T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số tiền tính đến ngày 13/8/2024 là 1.195.455.592đ (Một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số ST0048/2023/PNU/HĐTD ngày 06/02/2023, Khế ước nhận nợ số ST0048/2023/PNU/KUNN ngày 07/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ST0048/2023/PNU/HĐTD-SĐBS-01 ngày 13/02/2023: Nợ gốc là 1.038.259.919 đồng, nợ lãi trong hạn là 84.591.877 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.718.487 đồng, lãi phạt: 2.534.977 đồng. Tổng cộng: 1.128.105.260đ.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 0066 ngày 14/02/2023: Dư nợ gốc là 49.198.496đ, nợ lãi là 16.183.611đ, phí: 1.968.225đ. Tổng cộng: 67.350.332đ.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 14/8/2024 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng đã ký từ ngày 11/8/2024 cho đến khi ông T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho OCB.

Nếu ông Trần Thành T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì OCB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: Tổ A phường H, quận L, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 267731 số vào sổ cấp GCN số CTs 249758 do Sở T3 cấp ngày 21/11/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

tại quận L cập nhật thay đổi ngày 09/02/2023 cho ông Trần Thành T1 để thu hồi nợ cho OCB.

Về chi phí tố tụng, án phí: Ông Trần Thành T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 (O) đối với bị đơn ông Trần Thành T1; ông T1 có hộ khẩu thường trú tại quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Thành T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Trần Thành T1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về số tiền vay:

Ông Trần Thành T1 có vay vốn Ngân hàng TMCP P1 theo Hợp đồng tín dụng số ST0048/2023/PNU/HĐTD ngày 06/02/2023, Khế ước nhận nợ số ST0048/2023/PNU/KUNN ngày 07/02/2023 ông Trần Thành T1 vay là số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ, một trăm triệu đồng) để mua bất động sản, thời hạn vay 180 tháng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 07/02/2038; phương thức trả nợ: trả định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 10 hàng tháng (mỗi kỳ trả gốc 6.120.000đ, trả lãi theo dư nợ thực tế); lãi suất 16%/năm (có điều chỉnh); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 0066 ngày 14/02/2023 hạn mức thẻ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Như vậy, Hợp đồng tín dụng, K ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng nêu trên được ký kết giữa O và ông T1 thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của hai bên, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp quy định pháp luật và đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 chỉ thanh toán được khoản vay số tiền gốc 61.740.081đ, lãi 139.848.992đ nên chuyển sang quá hạn kể từ ngày 10/12/2023 và giao dịch thẻ đã thu dư nợ gốc 201.259.504đ, nợ lãi 7.213.066đ, phí 1.000.000đ nên chuyển sang quá hạn kể từ ngày 10/01/2024. Như vậy, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, mặc dù, OCB đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ, đôn đốc và làm việc tạo điều kiện nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ nên OCB thu hồi khoản vay trước hạn.

Do đó, yêu cầu Tòa án buộc ông **T1** thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ, lãi suất là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Hợp đồng cho vay nêu trên và phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Trần Thành T1** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP P1** số tiền tính đến ngày 13/8/2024 là 1.195.455.592đ (Một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số ST0048/2023/PNU/HĐTD ngày 06/02/2023, Khế ước nhận nợ số ST0048/2023/PNU/KUNN ngày 07/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ST0048/2023/PNU/HĐTD-SĐBS-01 ngày 13/02/2023: Nợ gốc là 1.038.259.919 đồng, nợ lãi trong hạn là 84.591.877 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.718.487 đồng, lãi phạt: 2.534.977 đồng. Tổng cộng: 1.128.105.260đ.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 0066 ngày 14/02/2023: Dư nợ gốc là 49.198.496đ, nợ lãi là 16.183.611đ, phí: 1.968.225đ. Tổng cộng: 67.350.332đ.

Lãi phát sinh tiếp theo được tính kể từ ngày 14/8/2024 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, **K** ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi ông **T1** thanh toán hết nợ cho **O**.

[2.2] Về tài sản thế chấp:

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 43, diện tích 100m², địa chỉ: **Tổ A phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng** có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG267731, số vào sổ cấp GCN số CTs 249758 do **Sở Tài nguyên và môi trường thành phố T3** cấp ngày 21/11/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **quận L** đăng ký biến động ngày 09/02/2023 cho ông **Trần Thành T1** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST0048.01/2023/PNU/HĐTC ngày 13/02/2023. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trên được công chứng tại **Văn phòng C** và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại **quận L**.

Tòa án đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ tại địa chỉ thửa đất ngày 04/6/2024.

Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự, nếu **Trần Thành T1** không trả số nợ nêu trên cho **Ngân hàng TMCP P1** thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 43 nêu trên sẽ bị phát mãi để OCB thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của **O** được chấp nhận nên ông **T1** phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 463 và Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP P1 (OCB) đối với ông Trần Thành T1.

Buộc ông Trần Thành T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/8/2024 là 1.195.455.592đ (Một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số ST0048/2023/PNU/HĐTD ngày 06/02/2023, Khế ước nhận nợ số ST0048/2023/PNU/KUNN ngày 07/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ST0048/2023/PNU/HĐTD-SĐBS-01 ngày 13/02/2023 tính đến ngày 13/8/2024: Nợ gốc là 1.038.259.919 đồng, nợ lãi trong hạn là 84.591.877 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.718.487 đồng, lãi phạt: 2.534.977 đồng. Tổng cộng: 1.128.105.260đ.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 0066 ngày 14/02/2023 tính đến ngày 10/8/2024: Dư nợ gốc là 49.198.496đ, nợ lãi là 16.183.611đ, phí: 1.968.225đ. Tổng cộng: 67.350.332đ.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 14/8/2024 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng đã ký từ ngày 11/8/2024 cho đến khi ông T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho OCB.

Nếu ông Trần Thành T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ không thực hiện trả nợ và lãi phát sinh thì phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 43, diện tích 100m², địa chỉ: Tổ A phường H, quận L, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 267731 số vào sổ cấp GCN số CTs 249758 do Sở T3 cấp ngày 21/11/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận L cập nhật thay đổi ngày 09/02/2023 cho ông Trần Thành T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST0048.01/2023/PNU/HĐTC ngày 13/02/2023 để thu hồi nợ cho OCB.

2. Về án chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ ông Trần Thành T1 phải chịu; OCB đã tạm ứng và chi phí xong. Ông Trần Thành T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho OCB số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Trần Thành T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.808.419đ (*Bốn mươi bảy triệu, tám trăm lẻ tám nghìn bốn trăm mười chín đồng*).

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP P1** số tiền tạm ứng án phí 22.990.554đ (*Hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn, năm trăm năm mươi tư đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001037 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 13/8/2024. **Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Hậu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

